

Số: /ĐA-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025; ý kiến của Bộ Nội vụ tại Công văn số 7084/BNV-CQĐP ngày 03/12/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên như sau:

Phần I

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã; Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14 và Luật số 47/2019/QH14.
- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

6. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022.

7. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

8. Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

9. Công văn số 7084/BNV-CQĐP ngày 03/12/2023 của Bộ Nội vụ về ý kiến đối với Phương án tổng thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên và ý kiến của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

10. Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 14/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc thực hiện Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;

11. Thông báo số 2117-TB/TU ngày 20/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên về chủ trương xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến về phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025;

12. Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 28/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2023 - 2025;

13. Phương án tổng thể số 5476/PA-UBND ngày 27/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị, Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện thống kê, rà soát tiêu chuẩn của các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Qua thống kê, rà soát, toàn tỉnh có 03 đơn vị hành chính cấp xã chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích và dân số theo quy định, thuộc diện phải thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025.

Đây là các đơn vị hành chính cấp xã có quy mô nhỏ, nguồn lực địa phương bị phân tán, không gian phát triển hạn chế, gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn về phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù là đơn vị hành chính có quy mô nhỏ nhưng vẫn phải bố trí tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức. Ngân sách nhà nước chi cho hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị... của các đơn vị này làm tăng chi ngân sách của tỉnh.

Vì vậy, căn cứ chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh Thái Nguyên và tình hình thực tiễn các đơn vị cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét thấy cần thiết phải sắp xếp theo hướng nhập các đơn vị hành chính này để tăng quy mô diện tích tự nhiên, dân số của đơn vị hành chính nhằm góp phần tinh gọn tổ chức, bộ máy, giảm đầu mối, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; có điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Phần II

HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, NHẬP, CHIA, GIẢI THỂ, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1. Khái quát quá trình thành lập, nhập, chia, giải thể, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính các cấp từ năm 1945 đến nay

1.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh Thái Nguyên bị chia tách, nhập và đổi tên các đơn vị hành chính diễn ra nhiều lần. Ngày 20/8/1945, đơn vị hành chính thị xã Thái Nguyên đã chính thức ra đời. Tỉnh Thái Nguyên có 8 đơn vị hành chính cấp huyện (*gồm: 01 thị xã và 07 huyện*).

Thái Nguyên là một trong sáu tỉnh thuộc Khu tự trị Việt Bắc mới thành lập, thị xã Thái Nguyên là thủ phủ Khu tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 268/SL ngày 01/7/1956 của Chủ tịch nước về việc ban hành bản quy định việc thành lập khu tự trị Việt Bắc. Riêng huyện Phổ Yên lúc này được sáp nhập vào tỉnh Vĩnh Phúc và huyện Phú Bình được sáp nhập vào tỉnh Bắc Giang. Khu tự trị Việt Bắc tồn tại đến cuối năm 1975 thì bị giải thể.

Ngày 15/6/1957, Phủ Thủ tướng ban hành Nghị định số 259-TTg trả về tỉnh Thái Nguyên hai huyện Phổ Yên và Phú Bình trước đã sát nhập vào hai tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Giang, sát nhập xã Mỏ Xắt thuộc huyện Yên Thế của tỉnh Bắc Giang về huyện Đồng Hỷ quản lý và đổi tên thành xã Hợp Tiến.

Ngày 19/10/1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 114/CP về việc thành lập thành phố Thái Nguyên; điều chỉnh địa giới thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Phú Bình; thành lập thị trấn Trại Cau thuộc thành phố Thái Nguyên. Trong đó, thị xã Thái Nguyên được nâng cấp thành thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh

Thái Nguyên, cùng thời điểm này, chuyển 4 xã Cam Giá, Túc Duyên, Quang Vinh, Đòng Bằm, các xóm Chùa, Quan Triều của xã Lương Sơn, các xóm Hòa Bình, Minh Cầu, Thống Nhất, Cầu Tre, Tiến Thành, Cấp Tiến của xã Đòng Quang, các xóm Thành, Phố, Ôn Lương của xã Tích Lương thuộc huyện Đòng Hỷ; các xóm Nhân Thịnh, Ngọc Tâm của xã Thượng Đình (sáp nhập vào xã Lương Sơn), các xóm Ngân, Na Hoàng, Tiến Bộ, Phú Thái, Lương Thịnh, Tân Trung của xã Lương Sơn, xóm Hạnh của xã Đào Xá (huộc huyện Phú Bình; xóm Tân Long của xã Sơn Cẩm thuộc huyện Phú Lương và thị trấn Trại Cau về thành phố Thái Nguyên quản lý).

Ngày 17/02/1965, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 46-NV về việc phê chuẩn việc chia lại xã Kim Phụng thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, trong đó chia xã Kim Phụng (cũ) thành xã Kim Phụng (mới) và xã Kim Sơn (năm 2021, xã Kim Sơn nhập với xã Kim Phụng để trở thành xã Kim Phụng).

Ngày 21/4/1965, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quyết định số 103-NQ-TVQH, hợp nhất hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn thành tỉnh Bắc Thái. Tỉnh Bắc Thái gồm có 14 đơn vị hành chính cấp huyện (*gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 12 huyện*).

Năm 25/3/1967, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 111-NV về việc chuyển 09 xã: Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ và thị trấn Chợ Mới của huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) về huyện Phú Lương.

Ngày 26/10/1967, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 416-NV về việc thành lập thị trấn Nông trường Bắc Sơn thuộc huyện Phổ Yên (từ năm 2011 chuyển thành thị trấn Bắc Sơn); thành lập thị trấn Quân Chu thuộc Đại Từ; xã Quân Chu thuộc Đại Từ được thành lập từ năm 1967 trên cơ sở đổi tên xã Tân Thành.

Ngày 26/11/1970, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 72-BT về việc sáp nhập xã Đại Xuân vào xã Tiên Phong thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 09/9/1972, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 41-BT về việc thành lập 03 thị trấn: Mỏ Chè, Ba Hàng và Bãi Bông thuộc huyện Phổ Yên.

Ngày 07/4/1974, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 136-NV về việc đổi tên các xã Hợp Thành thành Vạn Phái, Tân Tiến thành Đông Cao và Thắng Lợi thành Cải Đan thuộc huyện Phổ Yên, xã Tân Thành thành xã Ôn Lương thuộc huyện Phú Lương.

1.2. Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1997

Ngày 23/02/1977, Bộ trưởng Phủ Thủ tướng ban hành Quyết định số 616-VP18 thành lập thị trấn Giang Tiên trên cơ sở tách một phần diện tích và dân số của xã Cổ Lũng (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*).

Ngày 21/10/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định 178-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số thị trấn thuộc tỉnh Bắc Thái. Trong đó, huyện Đòng Hỷ tiếp nhận lại thị trấn Trại Cau từ thành phố Thái Nguyên và thành lập phường Núi Voi từ thị trấn Núi Voi thuộc thành phố Thái Nguyên.

Ngày 01/10/1983, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 113-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số xã thuộc huyện Đại Từ, Đồng Hỷ và Phổ Yên. Trong đó các xóm Tân Thắng, Đồng Đăng tách khỏi xã Phúc Thuận để hợp nhất với xã Phúc Thọ (huyện Đại Từ), xóm Yên Ninh (xã Phúc Trìu, huyện Đồng Hỷ) thành xã Phúc Tân thuộc huyện Đồng Hỷ.

Ngày 02/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 102-HĐBT về việc điều chỉnh địa giới một số huyện và thành phố thuộc tỉnh Bắc Thái. Trong đó, tách 7 xã Phúc Hà, Phúc Xuân, Phúc Trìu, Tân Cương, Thịnh Đán, Thịnh Đức và Tích Lương thuộc huyện Đồng Hỷ để sáp nhập vào thành phố Thái Nguyên; tách xã Đồng Bầm thuộc phố Thái Nguyên để sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ; giải thể hai phường Chiến Thắng và Núi Voi thuộc thành phố Thái Nguyên, tách số đất, số dân của hai đơn vị hành chính này sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ để thành lập thị trấn Chùa Hang; tách 4 xã Phúc Tân, Bình Sơn, Bá Xuyên và Tân Quang thuộc huyện Đồng Hỷ để sáp nhập vào huyện Phổ Yên; tách 4 xã Tân Long, Văn Lăng, Hoà Bình và Quang Sơn (trừ 4 xóm Đồng Dong, Cây Thị, Làng Giai và Khuôn Vạc của xã Quang Sơn) thuộc huyện Võ Nhai để sáp nhập vào huyện Đồng Hỷ.

Ngày 08/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 109-HĐBT về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới một số xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Bắc Thái. Trong đó, sáp nhập 4 xóm Đồng Song, Cây Thị, Làng Giai và Khuôn Vạc thuộc xã Quang Sơn vào xã La Hiên, huyện Võ Nhai; tách các xóm Na Ranh, Lăng Cả, Tân Dược, Hồng Phong, Phúc Tiến, Phúc Thái và Tân Lập gồm 704 hécta thuộc xã Thịnh Đán để thành lập đơn vị hành chính mới lấy tên là phường Tân Thịnh; giải thể 3 xã Đồng Quang, Cam Giá và Gia Sàng để thành lập 3 phường Đồng Quang, Cam Giá, Gia Sàng.

Ngày 11/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 113-HĐBT về việc thành lập thị xã Sông Công thuộc tỉnh Bắc Thái. Trong đó, trên cơ sở thị trấn Mỏ Chè với các xã Cải Đan, Tân Quang và Bá Xuyên của huyện Phổ Yên.

Ngày 13/02/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 25-HĐBT về việc về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, phường, của thành phố Thái Nguyên thuộc tỉnh Bắc Thái. Trong đó, thành lập 02 phường từ 02 xã, thành lập mới 01 phường do chia đơn vị hành chính (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*), bao gồm: thành lập phường Túc Duyên từ xã Túc Duyên, phường Quang Vinh từ xã Quang Vinh; chia phường Tân Thịnh để thành lập mới phường Tân Lập thuộc thành phố Thái Nguyên.

Ngày 25/10/1990, Ban Tổ chức Chính phủ ban hành Quyết định số 454/TCCP về việc thành lập thị trấn Đình Cả thuộc huyện Võ Nhai (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*). Trong đó, thị trấn Đình Cả được thành lập trên cơ sở một phần diện tích và dân số của xã Phú Thượng.

Ngày 03/6/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 36-CP về việc thành lập thị trấn Đu thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*), chia xã Động Đạt để thành lập mới thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

Ngày 11/7/1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/CP về việc chia phường Đồng Quang để thành phường Quang Trung và phường Đồng Quang thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX, Kỳ họp thứ 10, ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Trong đó, chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh Thái Nguyên có 09 đơn vị cấp huyện (*gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 07 huyện*) với 177 đơn vị hành chính cấp xã (*gồm: 144 xã, 20 phường và 13 thị trấn*).

1.3. Giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2018

Ngày 10/4/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc các huyện Đại Từ, Phổ Yên và thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, thành lập mới 02 xã, 01 phường do chia đơn vị hành chính, thành lập 01 phường từ 01 xã (*tăng 03 đơn vị hành chính cấp xã*). Bao gồm: Chia xã Phục Linh để thành lập mới xã Tân Linh thuộc huyện Đại Từ; chia xã Cải Đan, Bá Xuyên để thành lập mới xã Vinh Sơn, phường Phố Cò, thành lập phường Cải Đan từ xã Cải Đan thuộc thị xã Sông Công.

Ngày 13/6/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2003/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn Hương Sơn thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (*giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã*), do nhập xã Hương Sơn và thị trấn Úc Sơn, huyện Phú Bình để thành lập thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình.

Ngày 09/01/2004, Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2004/NĐ-CP về việc thành lập phường Thịnh Đán và đổi tên xã Thịnh Đán thành xã Quyết Thắng thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*). Trong đó, điều chỉnh địa giới hành chính từ phường Tân Thịnh và xã Thịnh Đức để thành lập phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên.

Ngày 31/7/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 84/2008/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Đồng Hỷ để mở rộng thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (*không làm tăng, giảm đơn vị hành chính*). Trong đó, chuyển xã Cao Ngạn, xã Đồng Bẩm từ huyện Đồng Hỷ về thành phố Thái Nguyên quản lý.

Ngày 13/01/2011, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 05/NQ-CP về việc giải thể các thị trấn Nông Trường Bắc Sơn và điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các thị trấn: Bắc Sơn thuộc huyện Phổ Yên; Sông Cầu thuộc huyện Đồng Hỷ, Quân Chu thuộc huyện Đại Từ; thành lập phường Tích Lương thuộc thành phố Thái Nguyên và phường Bách Quang thuộc thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*tăng 01 đơn vị hành chính cấp xã*). Trong đó, giải thể 03 thị trấn nông trường Sông Cầu, Quân Chu, Bắc Sơn để thành lập 03 thị trấn cùng tên; thành lập phường Tích Lương từ xã Tích Lương; chia xã Tân Quang để thành lập mới phường Bách Quang, thị xã Sông Công.

Ngày 13/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 124/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã Hùng Sơn để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Đại Từ, đổi tên thị trấn Đại Từ thành thị trấn Hùng Sơn thuộc huyện Đại Từ và điều chỉnh địa giới hành chính các xã Động Đạt, Phấn Mễ để mở rộng địa giới hành chính thị trấn Du thuộc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên (*giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã*). Trong đó, nhập thị trấn Đại Từ và xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ để thành lập thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ.

Ngày 15/5/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 về việc thành lập thị xã Phổ Yên và 04 phường: Ba Hàng, Bắc Sơn, Bãi Bông, Đồng Tiến thuộc thị xã Phổ Yên, điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Thái Nguyên để thành lập phường Lương Sơn thuộc thị xã Sông Công và thành lập thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (*không làm tăng, giảm đơn vị hành chính*).

Ngày 18/8/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 422/NQ-UBTVQH13 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Thái Nguyên và thành lập 02 phường thuộc thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (*không làm tăng, giảm đơn vị hành chính*). Trong đó, điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính thành phố Thái Nguyên, thành lập 02 phường từ 01 xã, 01 thị trấn thuộc thành phố Thái Nguyên.

1.4. Từ năm 2019 cho đến nay

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 814/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thái Nguyên (*giảm 02 đơn vị hành chính cấp xã*).

Ngày 15/02/2022, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 469/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (*không làm tăng, giảm đơn vị hành chính*).

Ngày 13/02/2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 729/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập thị trấn Hóa Thượng thuộc huyện Đồng Hỷ và nhập xã Quân Chu vào thị trấn Quân Chu thuộc huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (*giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã*). Trong đó, thành lập 01 thị trấn thuộc huyện Đồng Hỷ.

2. Số lượng đơn vị hành chính các cấp đến thời điểm 31/12/2023

Tỉnh Thái Nguyên có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (*gồm: 03 thành phố và 06 huyện*) và 177 đơn vị hành chính cấp xã (*gồm: 126 xã, 41 phường và 10 thị trấn*).

II. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÁC CẤP CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

1. Đơn vị hành chính tỉnh Thái Nguyên

1.1. Diện tích tự nhiên: 3.521,96 km².

1.2. Quy mô dân số: 1.480.254 người (bao gồm: dân số thường trú là 1.366.099 người và dân số tạm trú đã quy đổi là 114.155 người).

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đạt được của tỉnh Thái Nguyên năm 2022 như sau:

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội không chỉ trong nước mà còn ở nhiều quốc gia trên thế giới, bức tranh kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2022 vẫn có nhiều “gam màu sáng” thể hiện kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực.

Kinh tế của tỉnh đạt mức tăng trưởng khá, thể hiện sự hồi phục của nền kinh tế nói chung sau 02 năm bị ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19. Lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Cung cầu hàng hoá thiết yếu được đảm bảo; cầu tiêu dùng và xuất khẩu hàng hoá tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng vượt kế hoạch, đảm bảo nguồn cung lương thực, thực phẩm. Hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến, chế tạo nói riêng tiếp tục giữ vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong năm 2022. Hoạt động thương mại, dịch vụ sôi động trở lại, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tiếp tục xu hướng tăng; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo tiến độ; thu hút đầu tư nước ngoài nằm trong số những tỉnh có thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước. An sinh xã hội được quan tâm thực hiện; an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội ổn định.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều thách thức mới, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành địa phương triển khai quyết liệt, linh hoạt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; tổ chức nhiều cuộc họp, làm việc, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên nhiều ngành, lĩnh vực. Nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng lòng, tham gia tích cực của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được nhiều kết quả tích cực về phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, cụ thể như sau:

1.3.1. Lĩnh vực kinh tế

a) Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: Năm 2022, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 59,44 nghìn tỷ đồng, tăng 14,2% so với cùng kỳ.

Về đăng ký kinh doanh: Năm 2022, toàn tỉnh cấp mới đăng ký kinh doanh cho 850 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký khoảng 9.000 tỷ đồng. Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập (lũy kế) đạt 8.850 doanh nghiệp, bằng 100% kế hoạch.

Về tình hình đầu tư dự án trong nước ngoài ngân sách: Năm 2022, tỉnh Thái Nguyên cấp Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cho 05 dự án với tổng số vốn là 327,22 tỷ đồng; cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho 17 dự án với tổng số vốn là 9.779,31 tỷ đồng; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 09 dự án với tổng số vốn là 353,3 tỷ đồng. Lũy kế đến nay, tổng số dự án ngoài ngân sách sử dụng vốn đầu tư trong nước còn hiệu lực là 850 dự án với số vốn đăng ký khoảng 149.304,77 tỷ đồng.

Về thu hút đầu tư FDI: Năm 2022, toàn tỉnh cấp mới và điều chỉnh tăng vốn cho 20 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 1.532,19 triệu USD; trong đó có 05 dự án cấp mới với tổng số vốn là 320 triệu USD, điều chỉnh tăng vốn cho 15 lượt dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký tăng thêm là 1.212,19 triệu USD. Lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh có 172 dự án còn hiệu lực với tổng mức đầu tư đăng ký đạt gần 10,3 tỷ USD (tương đương khoảng 237,3 nghìn tỷ đồng).

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2022 tăng 8,59% so với năm 2021, vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 (tăng 8%); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,23%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,75%; khu vực dịch vụ tăng 8,02%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tăng 7,06%.

Do công nghiệp duy trì được tốc độ phát triển khá; dịch vụ có sự bứt phá mạnh mẽ nên cơ cấu kinh tế của tỉnh năm 2022 tiếp tục xu hướng chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; giảm tỷ trọng nông lâm thủy sản. Trong đó, cơ cấu khu vực công nghiệp xây dựng chiếm 59,5%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 30%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,5%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 107 triệu đồng (tương đương 4.560 USD/người/năm), bằng 101,5% kế hoạch, tăng 12,1% (tăng 11,5 triệu đồng/người/năm) so với năm 2021.

b) Hoạt động tài chính, tín dụng

- Thu ngân sách: Thu ngân sách năm 2022 đạt 19.107,1 tỷ đồng, tăng 6,53% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa phần đầu đạt 15.901 tỷ đồng, tăng 3,13% so với cùng kỳ; thu xuất nhập khẩu đạt 3.098,6 tỷ đồng, tăng 29,44% so với cùng kỳ.

- Chi ngân sách: Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2022 đạt 17.329,2 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước đạt 8.533,6 tỷ đồng, tăng 41,7% so với cùng kỳ; chi thường xuyên đạt 8.742,2 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ.

- Hoạt động ngân hàng: Năm 2022, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn chủ động cân đối khả năng tài chính để áp dụng lãi suất cho vay hợp lý; tập trung mọi nguồn lực để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Tổng nguồn vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn ước đến 31/12/2022 đạt 92.500 tỷ đồng, tăng 8,97% so với 31/12/2021. Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến 31/12/2022 đạt 80.800 tỷ đồng, tăng 13% so với 31/12/2021. Nợ xấu là 521 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,65%/tổng dư nợ.

c) Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh có 22 cụm công nghiệp đã có chủ đầu tư hạ tầng với tổng vốn đầu tư hạ tầng là 6.650 tỷ đồng, tổng vốn đã thực hiện đạt 1.359,6 tỷ đồng. Các khu công nghiệp trên địa bàn có 269 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, trong đó có 136 dự án FDI với số vốn đăng ký đầu tư hơn 10 tỷ USD và 133 dự án DDI với số vốn đăng ký đầu tư 16.414,27 tỷ đồng.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 931,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8% so với cùng kỳ và bằng 101,3% kế hoạch. Chia theo khu vực kinh tế, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2022 của khu vực kinh tế trong nước đạt 71,2 nghìn tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 860,5 nghìn tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ.

d) Thương mại, dịch vụ

- Xuất khẩu: Tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2022 trên địa bàn tỉnh đạt 32,1 tỷ USD, tăng 10,4% so cùng kỳ, đạt 100,3% kế hoạch. Trong đó, xuất khẩu địa phương ước đạt 695 triệu USD, tăng 17,5% so với cùng kỳ và bằng 110,1% kế hoạch.

- Nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2022 đạt 19,5 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập khẩu ước đạt 473,9 triệu USD, tăng 22,9% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 97,6% tổng giá trị nhập khẩu.

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội: năm 2022 đạt 56,5 nghìn tỷ đồng, tăng 26,8% so với cùng kỳ.

đ) Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 15.267,9 tỷ đồng, bằng 100,7% kế hoạch và tăng 4,14% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt 14.068,2 tỷ đồng, bằng 100,7% kế hoạch và tăng 4% so cùng kỳ; giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp đạt 649 tỷ đồng, bằng 100,6% và tăng 6,8% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 550,7 tỷ đồng, bằng 101% và tăng 5,9% so cùng kỳ.

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 2022 đạt 111.045 ha, giảm 0,9% so với năm 2021. Trong đó, diện tích cây lương thực có hạt đạt 83.507 ha, chiếm 75,2% diện tích gieo trồng; cây rau các loại đạt 15.201 ha, chiếm khoảng 13,7% diện tích gieo trồng; còn lại là diện tích cây khoai lang, lạc, đậu tương,... có diện tích giảm nhẹ so với năm 2021.

Sản lượng chè búp tươi cả năm 2022 đạt 260,1 nghìn tấn, bằng 101,6% kế hoạch. Năm 2022, diện tích chè trồng mới và trồng lại đạt 416,7 ha, đạt 104,2% KH năm, trong đó: Trồng mới là 105 ha, trồng lại là 311,7 ha.

Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả hiện có toàn tỉnh khoảng 14 nghìn ha. Năm 2022, diện tích cây ăn quả trồng mới tiếp tục tăng ở một số cây ăn quả như: Na, bưởi, nhãn, mít, ổi... Diện tích hỗ trợ trồng mới theo kế hoạch năm 2022 là 224 ha (125 ha na, 63 ha bưởi, 36 ha nhãn), bằng 100% kế hoạch.

- Chăn nuôi: Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng năm 2022 đạt 212,84 nghìn tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ và bằng 137,7% kế hoạch. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi đạt 96,55 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gà hơi đạt 93,46 nghìn tấn, tăng 14,4% so; sản lượng thịt trâu hơi đạt 5,5 nghìn tấn, tăng 3,8%; sản lượng thịt bò hơi đạt 6,56 nghìn tấn, tăng 6,5%.

- Lâm nghiệp: Năm 2022 đã trồng được 4.163,1 ha/3.700 ha, bằng 112,5% kế hoạch, trong đó: trồng rừng phòng hộ 122 ha và trồng rừng sản xuất 4.041,1 ha. Triển khai “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ - Xuân Nhâm Dần năm 2022” gắn với thực hiện Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025, năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện trồng được 1,7 triệu cây xanh phân tán các loại; đã có 5,9 triệu cây xanh được cập nhật dữ liệu trên phần mềm quản lý cây xanh THAINGUYEN SMARTTREES.

- Thủy sản: Sản lượng thủy sản thu hoạch năm 2022 đạt 17,2 nghìn tấn, bằng 101,4% kế hoạch và tăng 8,9% so với năm 2021.

e) Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Năm 2022 đã bố trí và huy động 386,45 tỷ đồng (ngân sách Trung ương là 228,73 tỷ đồng; ngân sách tỉnh là 157,72 tỷ đồng, trong đó có 72.480 tấn xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn tương đương với 108,72 tỷ đồng). Kết quả năm 2022 có 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 4 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 01 huyện Phú Bình đạt chuẩn NTM, đạt 100% kế hoạch, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 119 xã (bao gồm 09 xã đã lên phường của thành phố Phủ Yên) đạt tỷ lệ 86,9%. Đánh giá phân hạng sản phẩm thuộc chương trình “mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên có từ 40 sản phẩm trở lên đạt 3-4 sao OCOP.

1.3.2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

a) Hoạt động xã hội

- Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội: Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả. Tăng cường công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Lồng ghép các hoạt động giảm nghèo trong chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kết quả toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ được 46.692,1 triệu đồng. Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) toàn tỉnh giảm từ 6,14% xuống còn 4,49% (giảm 1,65% so với năm 2021).

- Lao động việc làm: Thường xuyên thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động. Tổ chức Tuần cao điểm kết nối Cung - Cầu lao động năm 2022 với 20 hoạt động tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Nguyên và 9/9 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh thu hút sự tham gia của 155 lượt đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh, 08 Trung tâm dịch vụ việc làm các tỉnh; kết quả có 5.300 lượt người được tư vấn chính sách lao động, việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, tư vấn định hướng nghề nghiệp, việc làm; 1.600 người đạt phỏng vấn sơ loại và kết nối việc làm thành công; hỗ trợ học nghề cho 65 người lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 35,93 %, tăng 0,53% so với cùng kỳ.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được triển khai thực hiện rộng rãi tạo hiệu ứng tốt, đạt kết quả cao. Năm 2022, tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa là trên 93%; xóm, làng, tổ dân phố văn hóa là trên 94%; cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa là trên 97%.

b) Y tế, giáo dục - đào tạo

- *Y tế*: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện có 817 cơ sở y tế (Trong đó có 31 bệnh viện, 178 trạm y tế phường, xã, thị trấn và 580 cơ sở khác). Nhân lực ngành y tế là 9.355 người (trong đó có 2.246 bác sỹ, 3.212 điều dưỡng viên, 716 dược sỹ, 1.115 cao đẳng, trung cấp dược ...).

Công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế được ngành Y tế đảm bảo đủ nhân lực, thuốc, vật tư, thiết bị; bố trí cơ sở giường bệnh, phương tiện cấp cứu, sẵn sàng đáp ứng, phục vụ tốt nhất các trường hợp phải đến viện khám chữa bệnh. Tập trung triển khai phòng, chống dịch tại các cơ sở khám, chữa bệnh, đặc biệt quan tâm đến các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm, làm hạn chế tối đa nguy cơ lây lan rộng của dịch bệnh. Chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện tiếp tục được chú trọng. Ngành chức năng tiếp tục duy trì triển khai đến từng địa phương công tác an toàn vệ sinh thực phẩm; đồng thời, làm tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

- *Giáo dục, đào tạo*: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, hiện có 33 trường Đại học, cao đẳng và Trung tâm nghiên cứu; có 52 cơ sở dạy nghề với gần 150 nghìn học sinh, sinh viên

Hệ thống giáo dục phổ thông có 437 trường với 10.178 thầy cô giáo và 247.883 học sinh. Hệ thống trường mầm non có 248 trường với 4.988 giáo viên và 81.747 trẻ.

Năm học 2021 - 2022 ngành giáo dục đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập ở cả 3 cấp học; 9/9 đơn vị cấp huyện giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tích cực triển khai thực hiện các chương trình, đề án của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm tiến độ, kế hoạch đề ra.

Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia gia tiếp tục được các cấp, ngành và địa phương quan tâm chỉ đạo. Hiện nay, toàn tỉnh có 592/684 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 86,8% tổng số các trường trên địa bàn.

c) Công nghệ thông tin và truyền thông:

Công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông tiếp tục được tăng cường, đảm bảo đúng định hướng; công tác báo chí, xuất bản trên địa bàn đã tuyên truyền kịp thời và toàn diện các mặt đời sống xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội. Chương trình chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, kịp thời, linh hoạt, sáng tạo và đạt được nhiều kết quả tích cực. Duy trì cung cấp 100% thủ tục hành chính cấp độ 4 đủ điều kiện trên cổng dịch vụ công tỉnh Thái Nguyên; tích hợp và cung cấp 1.036 dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Nguyên lên Cổng Dịch vụ công quốc gia để phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành một cách thiết thực, hiệu quả. Các hoạt động thúc đẩy Kinh tế số và Xã hội số tiếp tục được quan tâm như: Triển khai thanh toán trực tuyến, Hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp phát triển thương mại điện tử,... Hiện nay Thái Nguyên có 324 doanh nghiệp công nghệ số; Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên được tích hợp trên nền tảng C-ThaiNguyen và có trên 5 triệu lượt truy cập với trên 2.200 sản phẩm (trong đó có 129 sản phẩm OCOP của tỉnh).

Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 -2025, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh quyết liệt chỉ đạo, các Sở ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện và đạt được các kết quả tích cực, cụ thể như sau:

- Kết quả tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thuộc 25 dịch vụ công thiết yếu: Các dịch vụ công của Công an tỉnh được giao: Đã thực hiện được 11/11 dịch vụ; 14 dịch vụ công của các Sở, ngành được giao: Đã thực hiện được 12/14 dịch vụ. Thái Nguyên có 1.023 Dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tính đến ngày 14/10/2022 đã có 58.093 hồ sơ được tiếp nhận, trả đúng theo quy định.

- Phục vụ phát triển công dân số: Tính đến ngày 14/10/2022: Đã cấp 1.019.617/1.039.299 căn cước công dân gắn chip, đạt tỷ lệ 98%; cấp 97.408 hồ sơ cấp tài khoản định danh điện tử cho công dân. Số lượng căn cước công dân được đồng bộ với thẻ BHYT còn hiệu lực để đi khám bệnh bằng căn cước công dân đạt 542.325/1.197.211 thẻ BHYT; 100% cơ sở khám chữa bệnh tiếp nhận khám chữa BHYT bằng CCCD (222/222 cơ sở).

- Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư: Thực hiện cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến, đã triển khai tích hợp và xác thực thông tin công dân, tổ chức trên Hệ thống một cửa của Sở Y tế qua số Căn cước công dân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt bằng mã QR-code. Dịch vụ công “Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ)” được kết nối, sử dụng xác thực, tích hợp, chia sẻ từ ngày 26/7/2022.

d) Công tác tổ chức, cải cách hành chính

Thực hiện đúng quy định về công tác tổ chức bộ máy, biên chế, cải cách hành chính, công tác cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chỉ đạo công tác sắp xếp tổ chức bộ máy theo Đề án số 09-ĐA/TU ngày 29/01/2018, Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 09/3/2018 và Kết luận số 08-KL/TU ngày 21/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 4020/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh về Chương trình cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Kết quả xếp hạng chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2021 tỉnh Thái Nguyên xếp vị trí thứ 6/63 tỉnh, thành phố (tăng 6 bậc so với năm 2020); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021 tỉnh Thái Nguyên xếp thứ 28/63 tỉnh, thành phố với tổng điểm đạt 64,81 điểm (giảm 17 bậc so với năm 2020); Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021 nằm trong nhóm các tỉnh có nhóm điểm trung bình cao với tổng điểm đạt 43,37 điểm (giảm 3,37 điểm so với năm 2020); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2021 đạt 89,41% xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (tăng 13 bậc so với năm 2020).

1.3.3. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh

a) Công tác quân sự

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, chấp hành nghiêm chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chuyên môn, phòng chống cháy nổ; phối hợp chặt chẽ với công an và các lực lượng khác trên địa bàn nắm chắc diễn biến và giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Các huyện, thành phố tổ chức thành công lễ giao nhận quân năm 2022, đủ 100% chỉ tiêu, chất lượng tân binh được bảo đảm. Công tác tập huấn, huấn luyện được tổ chức theo đúng kế hoạch. Triển khai công tác quốc phòng địa phương, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh ở các cấp theo quy định. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên và diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh năm 2022.

b) Công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Năm 2022, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực, giảm so với năm 2021; Tai nạn giao thông tiếp tục được kiềm chế, giảm 10 vụ so với năm trước; số vụ cháy giảm, các vụ cháy xảy ra phần lớn là các vụ cháy nhỏ, thiệt hại ít nghiêm trọng.

2. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện

2.1. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện: 09 đơn vị (gồm: 03 thành phố và 06 huyện).

2.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp: Không có.

2.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: Không có.

2.4. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc diện khuyến khích sắp xếp: Không có.

2.5. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp: Không có.

3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã

3.1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã: 177 đơn vị (gồm: 126 xã, 41 phường và 10 thị trấn).

3.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp: 03 đơn vị (có 03 xã).

3.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: 05 đơn vị (có 05 xã).

3.4. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp: 05 đơn vị (gồm: 01 xã và 04 thị trấn).

3.5. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp: 08 đơn vị (gồm: 07 xã và 01 phường).

III. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025

1. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp: 03 đơn vị (có 03 xã)

1.1. Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ

1.1.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

1.1.2. Diện tích tự nhiên: 8,48 km².

1.1.3. Quy mô dân số: 4.102 người.

1.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 750 người; chiếm tỷ lệ 18,3% dân số.

1.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.1.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên;
- Phía Tây và phía Nam giáp xã Ký Phú, huyện Đại Từ;
- Phía Bắc giáp xã Lục Ba và xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

1.2. Xã Na Mao, huyện Đại Từ

1.2.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

1.2.2. Diện tích tự nhiên: 9,33 km².

1.2.3. Quy mô dân số: 3.734 người.

1.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.506 người; chiếm tỷ lệ 67,1% dân số.

1.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông và phía Bắc giáp xã Phú Cường, huyện Đại Từ;

- Phía Tây giáp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ;

- Phía Nam giáp xã Phú Thịnh và xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ.

1.3. Xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên

1.3.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

1.3.2. Diện tích tự nhiên: 6,34 km².

1.3.3. Quy mô dân số: 4.256 người.

1.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.032 người; chiếm tỷ lệ 24,2%.

1.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.3.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên;

- Phía Tây giáp xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên và xã An Khánh, huyện Đại Từ;

- Phía Nam giáp xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên;

- Phía Bắc giáp xã Sơn Cẩm và phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên.

2. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù đề nghị không thực hiện sắp xếp: 05 đơn vị (có 05 xã).

2.1. Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình

2.1.1. Có yếu tố đặc thù: Thuộc Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040. Dự kiến thành lập phường đến năm 2030.

2.1.2. Diện tích tự nhiên: 5,98 km².

2.1.3. Quy mô dân số: 9.227 người.

2.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 15 người; chiếm tỷ lệ 0,2% dân số.

2.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.1.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Úc Kỳ và xã Xuân Phương, huyện Phú Bình;
- Phía Tây giáp xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình;
- Phía Nam giáp xã Diềm Thụy và xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình;
- Phía Bắc giáp xã Bảo Lý và xã Thượng Đình, huyện Phú Bình.

2.2. Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình

2.2.1. Có yếu tố đặc thù: Thuộc Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040. Dự kiến thành lập phường đến năm 2030.

2.2.2. Diện tích tự nhiên: 5,86 km².

2.2.3. Quy mô dân số: 6.833 người.

2.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 287 người; chiếm tỷ lệ 4,2% dân số.

2.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có

2.2.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Xuân Phương, huyện Phú Bình;
- Phía Tây giáp xã Diềm Thụy, huyện Phú Bình;
- Phía Nam giáp xã Nga My, huyện Phú Bình;
- Phía Bắc giáp xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình.

2.3. Xã Hà Châu, huyện Phú Bình

2.3.1. Có yếu tố đặc thù: Thuộc Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040. Dự kiến thành lập phường đến năm 2030.

2.3.2. Diện tích tự nhiên: 5,32 km².

2.3.3. Quy mô dân số: 7.703 người.

2.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 206 người; chiếm tỷ lệ 2,7% dân số.

2.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2.3.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông và phía Nam giáp xã Thanh Vân, xã Đồng Tân và xã Hoàng Vân, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

- Phía Tây giáp phường Tiên Phong, thành phố Phổ Yên;

- Phía Bắc giáp xã Nga My, huyện Phú Bình.

2.4. Xã Lương Phú, huyện Phú Bình

2.4.1. Có yếu tố đặc thù: Thuộc Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040. Dự kiến thành lập phường đến năm 2030.

2.4.2. Diện tích tự nhiên: 4,61 km².

2.4.3. Quy mô dân số: 5.546 người.

2.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 270 người; chiếm tỷ lệ 4,9% dân số.

2.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2.4.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Tân Đức, huyện Phú Bình;

- Phía Tây giáp thị trấn Hương Sơn và xã Kha Sơn, huyện Phú Bình;

- Phía Nam giáp xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình;

- Phía Bắc giáp xã Tân Hòa, huyện Phú Bình.

2.5. Xã Thanh Ninh, huyện Phú Bình

2.5.1. Có yếu tố đặc thù: Thuộc Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040. Dự kiến thành lập phường đến năm 2030.

2.5.2. Diện tích tự nhiên: 4,98 km².

2.5.3. Quy mô dân số: 6.416 người.

2.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 23 người; chiếm tỷ lệ 0,4% dân số.

2.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 790/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

2.5.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Dương Thành, huyện Phú Bình;
- Phía Tây giáp xã Kha Sơn, huyện Phú Bình;
- Phía Nam giáp xã Hoàng Thanh và Hoàng Lương của huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;
- Phía Bắc giáp xã Lương Phú và xã Tân Đức, huyện Phú Bình.

3. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp:
05 đơn vị (gồm: 01 xã và 04 thị trấn).

3.1. Thị trấn Trại Cau, huyện Đông Hỷ

3.1.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3.1.2. Diện tích tự nhiên: 6,34 km².

3.1.3. Quy mô dân số: 4.229 người.

3.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 440 người; chiếm tỷ lệ 10,4% dân số.

3.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.1.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông và phía Nam giáp xã Tân Lợi, huyện Đông Hỷ;
- Phía Tây giáp xã Nam Hòa, huyện Đông Hỷ;
- Phía Bắc giáp xã Cây Thị, huyện Đông Hỷ.

3.2. Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương

3.2.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3.2.2. Diện tích tự nhiên: 3,77 km².

3.2.3. Quy mô dân số: 4.143 người.

3.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 261 người; chiếm tỷ lệ 6,3% dân số.

3.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.2.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Vô Tranh, huyện Phú Lương;

- Phía Bắc giáp xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương;
- Phía Tây giáp xã Phục Linh, huyện Đại Từ;
- Phía Nam giáp xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

3.3. Thị trấn Đu, huyện Phú Lương

3.3.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3.3.2. Diện tích tự nhiên: 9,36 km².

3.3.3. Quy mô dân số: 9.688 người

3.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số 2.440 người; chiếm tỷ lệ 25,2% dân số.

3.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.3.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Vô Tranh, xã Túc Tranh và xã Động Đạt, huyện Phú Lương;
- Phía Tây và phía Bắc giáp xã Động Đạt, huyện Phú Lương;
- Phía Nam giáp xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương.

3.4. Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa

3.4.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3.4.2. Diện tích tự nhiên: 4,44 km².

3.4.3. Quy mô dân số: 7.183 người.

3.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.262 người; chiếm tỷ lệ 45,4%.

3.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.4.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Phượng Tiên và Tân Dương, huyện Định Hóa;
- Phía Tây giáp xã Phúc Chu, huyện Định Hóa;
- Phía Nam giáp xã Bảo Cường, huyện Định Hóa;
- Phía Bắc giáp xã Kim Phượng, huyện Định Hóa.

3.5. Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên

3.5.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

3.5.2. Diện tích tự nhiên: 16,62 km².

3.5.3. Quy mô dân số: 15.886 người.

3.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 5.126 người; chiếm tỷ lệ 32,3% dân số.

3.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.5.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Tây giáp xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương;
- Phía Nam giáp phường Quan Triều, phường Tân Long, xã Phúc Hà và xã An Khánh, huyện Đại Từ;
- Phía Bắc giáp xã Minh Lập, huyện Đông Hỷ và xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

4. Hiện trạng đơn vị hành chính cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính khi thực hiện phương án sắp xếp: 08 đơn vị (gồm: 07 xã và 01 phường)

4.1. Xã Ký Phú, huyện Đại Từ

4.1.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

4.1.2. Diện tích tự nhiên: 18,19 km².

4.1.3. Quy mô dân số: 8.916 người.

4.1.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 565 người; chiếm tỷ lệ 6,3% dân số.

4.1.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4.1.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề

- Phía Tây giáp xã Văn Yên, huyện Đại Từ;
- Phía Bắc giáp xã Lục Ba, huyện Đại Từ;
- Phía Đông giáp xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ và xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên;
- Phía Nam giáp xã Cát Nê, huyện Đại Từ và xã Đạo Trù, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ

4.2.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.2.2. Diện tích tự nhiên: 22,92 km².

4.2.3. Quy mô dân số: 7.977 người.

4.2.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.626 người; chiếm tỷ lệ 45,5% dân số.

4.2.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

4.2.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Tây giáp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ và xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

- Phía Bắc giáp xã Na Mao, huyện Đại Từ;

- Phía Đông giáp xã Phú Thịnh và xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ;

- Phía Nam giáp xã La Bằng, huyện Đại Từ.

4.3. Xã Phú Cường, huyện Đại Từ

4.3.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.3.2. Diện tích tự nhiên: 16,28 km².

4.3.3. Quy mô dân số: 5.495 người.

4.3.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.945 người; chiếm tỷ lệ 53,6% dân số.

4.3.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thuộc xã An Toàn khu được công nhận tại Quyết định số 213/2003/QĐ-TTg ngày 23/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Tây giáp xã Yên Lãng và xã Na Mao, huyện Đại Từ;

- Phía Bắc giáp xã Minh Tiến, huyện Đại Từ;

- Phía Đông giáp xã Đức Lương và xã Phú Lạc, huyện Đại Từ;

- Phía Nam giáp xã Phú Thịnh, huyện Đại Từ.

4.4. Xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ

4.4.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.4.2. Diện tích tự nhiên: 20,69 km².

4.4.3. Quy mô dân số: 5.802 người.

4.4.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.192 người; chiếm tỷ lệ 72,3% dân số.

4.4.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4.4.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Bắc giáp thị trấn Trại Cau và xã Cây Thị, huyện Đồng Hỷ;
- Phía Đông giáp xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ;
- Phía Nam giáp xã Bàn Đạt và xã Tân Khánh, huyện Phú Bình;
- Phía Tây giáp xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ.

4.5. Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương

4.5.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.5.2. Diện tích tự nhiên: 21,19 km².

4.5.3. Quy mô dân số: 11.446 người.

4.5.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.056 người; chiếm tỷ lệ 26,7% dân số.

4.5.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4.5.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Đông giáp xã Vô Tranh, xã Tứ Tranh, huyện Phú Lương;
- Phía Tây giáp xã Phú Lý, xã Động Đạt, huyện Phú Lương và xã Phục Linh, huyện Đại Từ;
- Phía Nam giáp thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương;
- Phía Bắc giáp thị trấn Đu, huyện Phú Lương.

4.6. Xã Bảo Cường, huyện Định Hóa

4.6.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.6.2. Diện tích tự nhiên: 9,55 km².

4.6.3. Quy mô dân số: 4.824 người.

4.6.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.695 người; chiếm tỷ lệ 76,6%.

4.6.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4.6.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Bắc giáp thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa;
- Phía Nam giáp xã Trung Hội, huyện Định Hóa;
- Phía Đông giáp xã Phượng Tiên, huyện Định Hóa;
- Phía Tây giáp xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa.

4.7. Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên

4.7.1. Thuộc khu vực; có yếu tố đặc thù: Không có.

4.7.2. Diện tích tự nhiên: 11,57 km²

4.7.3. Quy mô dân số: 11.612 người.

4.7.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.936 người; chiếm tỷ lệ 16,7% dân số.

4.7.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Không có.

4.7.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Tây giáp xã Phúc Xuân và xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Bắc giáp xã Phúc Hà và phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Đông giáp phường Quang Vinh, phường Tân Thịnh và phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Nam giáp xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên.

4.8. Phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên

4.8.1. Thuộc khu vực miền núi tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

4.8.2. Diện tích tự nhiên: 2,78 km²

4.8.3. Quy mô dân số: 10.546 người.

4.8.4. Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.512 người; chiếm tỷ lệ 14,3% dân số.

4.8.5. Các chính sách đặc thù đang hưởng: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4.8.6. Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

- Phía Tây giáp xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Bắc giáp xã Sơn Cẩm và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Đông giáp phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;
- Phía Nam giáp xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp

1.1. Sắp xếp đơn vị hành chính nông thôn cấp xã thành đơn vị hành chính nông thôn cùng cấp

1.1.1. Xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Vạn Thọ (có diện tích tự nhiên là 8,48 km², đạt 17,0% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.102 người, đạt 82,0% so với tiêu chuẩn) vào xã Ký Phú (có diện tích tự nhiên là 18,19 km², đạt 60,6% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 8.916 người, đạt 111,5% so với tiêu chuẩn) để thành lập xã Vạn Phú, huyện Đại Từ.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính:

Xã Vạn Thọ có phần lớn đường ranh giới tự nhiên tiếp giáp với xã Ký Phú, các trục đường giao thông chính kết nối với đường tỉnh lộ 261 đều đi qua xã Ký Phú và có nhiều diện tích đất nông nghiệp của xã Vạn Thọ đang canh tác xen canh với diện tích do xã Ký Phú quản lý; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân xã Vạn Thọ tương đồng với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân xã Ký Phú. Vì vậy khi nhập xã Vạn Thọ vào xã Ký Phú sẽ thuận lợi cho công tác quản lý và mở rộng không gian quy hoạch, thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển cực phía Nam của huyện Đại Từ, đồng thời phù hợp với mong muốn của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

b) Kết quả sau sắp xếp đơn vị hành chính:

- Tên đơn vị hành chính: **Xã Vạn Phú.**
- Diện tích tự nhiên: 26,67 km² (đạt 88,9% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số: 13.018 người (đạt 162,7% so với tiêu chuẩn);
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.315 người (chiếm tỷ lệ 10,1% dân số);
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:
 - + Phía Đông giáp xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên;
 - + Phía Tây giáp xã Văn Yên, huyện Đại Từ;
 - + Phía Nam giáp xã Cát Nê, huyện Đại Từ;
 - + Phía Bắc giáp xã Lục Ba và xã Tân Thái, huyện Đại Từ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trụ sở tại Ủy ban nhân dân xã Ký Phú hiện nay. Lý do: Xóm Đạn 2, xã Ký Phú. Đây là vị trí trung tâm đơn vị hành chính mới, giao thông đi lại thuận lợi cho người dân và hoạt động của Đảng bộ, chính quyền, trụ sở liền kề là sân thể thao với tổng diện tích là 20.000 m², trong đó đất khuôn viên Ủy ban nhân dân xã là 7426 m², nằm cạnh đường tỉnh lộ 261 và tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc sẽ thuận lợi cho việc kết nối giao thông với trung tâm huyện và các địa phương khác trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

1.1.2. Xã Na Mao, huyện Đại Từ

Nhập một phần xã Na Mao vào xã Phú Xuyên và nhập phần còn lại của xã Na Mao vào xã Phú Cường, cụ thể:

- Nhập diện tích tự nhiên (3,01 km²) và dân số (1.565 người) của 03 xóm gồm: Đoàn Kết, Thái Hà, Khuân U thuộc xã Na Mao vào xã Phú Xuyên (có diện tích tự nhiên là 22,92 km², đạt 45,8% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.977 người, đạt 354,5% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính xã Phú Xuyên.

- Nhập diện tích tự nhiên (6,32 km²) và dân số (2.169 người) của 04 xóm gồm: Trung Tâm, Cây Lai, Ao Soi, Minh Thắng thuộc xã Na Mao vào xã Phú Cường (xã Phú Cường có diện tích tự nhiên là 16,28 km², đạt 32,6% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.495 người, đạt 274,8% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính xã Phú Cường.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp xã Na Mao:

Xã Na Mao có diện tích tự nhiên là 9,33 km². Xã có 07 xóm và số hộ trên địa bàn xã là: 910 hộ cùng 3.734 nhân khẩu, gồm 08 dân tộc cùng chung sống. Vị trí địa lý các xóm của xã Na Mao được phân định ranh giới thành 02 phần bởi đường phân thủy (bởi suối Vực Tròn chảy từ xã Yên Lãng qua xã Na Mao sang xã Phú Cường), cụ thể như sau:

- Phần từ suối Vực Tròn giáp xã Phú Xuyên có 03 xóm (gồm: Đoàn Kết, Thái Hà, Khuân U thuộc xã Na Mao) có vị trí địa lý giáp xã Phú Xuyên, có sự xen canh, xen cư của nhân dân 02 xã, phong tục tập quán có nhiều nét tương đồng, khi thực hiện phương án nhập như trên sẽ lấy ranh giới suối Vực Tròn làm ranh giới phân định, thuận lợi cho công tác quản lý địa giới hành chính của chính quyền và người dân không phải đi xa, thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã sau khi sắp xếp, đồng thời phù hợp với tập quán sinh hoạt, mong muốn của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương.

- Phần từ suối Vực Tròn giáp sang xã Phú Cường có 04 xóm (gồm: Trung Tâm, Cây Lai, Ao Soi, Minh Thắng thuộc xã Na Mao) nhập 04 xóm trên vào xã Phú Cường. Do có sự xen canh, xen cư của nhân dân 02 xã, phong tục tập quán có nhiều nét

tương đồng, khi thực hiện phương án nhập như trên sẽ lấy ranh giới suối Vực Tròn làm ranh giới phân định, thuận lợi cho công tác quản lý địa giới hành chính của chính quyền và người dân không phải đi xa, thuận lợi trong việc đi giải quyết các thủ tục hành chính tại UBND xã sau khi sắp xếp, đồng thời phù hợp với tập quán sinh hoạt, mong muốn của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương. b) Kết quả sau khi nhập 03 xóm (gồm: Đoàn Kết, Thái Hà, Khuân U) thuộc xã Na Mao vào xã Phú Xuyên:

- Tên đơn vị hành chính: **Xã Phú Xuyên.**
- Diện tích tự nhiên 25,93 km² (đạt 51,9% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số 9.542 người (đạt 477,1% so với tiêu chuẩn);
- Số dân là người dân tộc thiểu số 5.021 người (chiếm tỷ lệ 52,6% dân số).
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:
 - + Phía Đông giáp xã Bản Ngoại, Phú Thịnh, huyện Đại Từ;
 - + Phía Tây giáp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ và xã Thiện Kê, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;
 - + Phía Nam giáp xã La Bằng, huyện Đại Từ;
 - + Phía Bắc giáp xã Phú Cường, huyện Đại Từ;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trụ sở tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuyên hiện nay. Lý do: Trụ sở hiện nay nằm giữa trung tâm xã, cạnh quốc lộ 37, thuận tiện cho việc quản lý nhà nước, đi lại giao dịch công việc của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

c) Kết quả sau khi nhập 04 xóm (gồm: Trung Tâm, Cây Lai, Ao Soi, Minh Thắng) thuộc xã Na Mao vào xã Phú Cường:

- Tên đơn vị hành chính: **Xã Phú Cường.**
- Diện tích tự nhiên 22,6 km² (đạt 45,2% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 7.640 người (đạt 382,0% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 4.056 người (chiếm tỷ lệ 53,1% dân số).
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:
 - + Phía Đông giáp xã Phú Lạc, xã Đức Lương, huyện Đại Từ;
 - + Phía Tây giáp xã Phú Xuyên, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ;
 - + Phía Nam giáp xã Phú Thịnh, xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ;
 - + Phía Bắc giáp xã Minh Tiến, huyện Đại Từ.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trụ sở tại Ủy ban nhân dân xã Phú Cường hiện nay. Lý do: Trụ sở hiện nay nằm giữa trung tâm xã, gần đường tỉnh

lộ 264, gần các trường học, trạm y tế, chợ...; thuận tiện cho việc quản lý nhà nước, giao dịch công việc của nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

1.2. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thành đơn vị hành chính đô thị cùng cấp; sắp xếp đơn vị hành chính nông thôn với đơn vị hành chính đô thị cấp xã

Nhập một phần xã Phúc Hà vào phường Quan Triều và nhập phần còn lại của xã Phúc Hà vào xã Quyết Thắng để thành lập phường Quyết Thắng, cụ thể:

- Nhập diện tích tự nhiên (4,24 km²) và dân số (2.186 người) của 04 xóm: Xóm Um, xóm 1, xóm 2, xóm Mỏ và bãi xã Phúc Hà (có diện tích tự nhiên là 6,34 km², đạt 12,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.256 người, đạt 85,1% so với tiêu chuẩn) vào phường Quan Triều (có diện tích tự nhiên là 2,78 km², đạt 50,6% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 10.546 người, đạt 150,7% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính phường Quan Triều.

- Nhập diện tích tự nhiên (2,1 km²) và dân số (2.070 người) của 03 xóm: Xóm Hà, xóm Hồng, xóm Nam Tiền thuộc xã Phúc Hà (có diện tích tự nhiên là 6,34 km², đạt 12,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.256 người, đạt 85,1% so với tiêu chuẩn) vào xã Quyết Thắng (có diện tích tự nhiên là 11,57 km², đạt 38,6% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.612 người, đạt 145,2% so với tiêu chuẩn) để thành lập phường Quyết Thắng.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp:

Xã Phúc Hà có vị trí địa lý giáp với phường Quan Triều, phường Tân Long, xã Phúc Xuân, xã Quyết Thắng và xã Sơn Cẩm. Giao thông có sự đầu nối thuận lợi và có nhiều diện tích đất nông nghiệp của người dân xã Phúc Hà đang canh tác xâm canh với diện tích do Ủy ban nhân dân xã Quyết Thắng quản lý; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân xã Phúc Hà tương đồng với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân xã Quyết Thắng và phường Quan Triều. Vì vậy, khi nhập 04 xóm của xã Phúc Hà vào phường Quan Triều và nhập 03 xóm còn lại của xã Phúc Hà vào xã Quyết Thắng sẽ thuận lợi cho công tác quản lý và tạo không gian quy hoạch, thuận lợi giao thông đồng thời phù hợp với mong muốn của cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Phúc Hà.

b) Kết quả sau khi nhập 04 xóm thuộc xã Phúc Hà vào phường Quan Triều:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính);

- Tên đơn vị hành chính: **Phường Quan Triều.**
- Diện tích tự nhiên 7,02 km² (đạt 127,6% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số 12.732 người (đạt 363,8% so với tiêu chuẩn);
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 1.726 người (đạt tỷ lệ 13,6% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi là Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị):

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 03/03 tiêu chí.
- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 13/13 tiêu chí.
- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Tây giáp xã An Khánh, huyện Đại Từ.

+ Phía Bắc giáp xã Sơn Cẩm và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên;

+ Phía Đông giáp và phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên;

+ Phía Nam giáp phường Quyết Thắng (mới thành lập), thành phố Thái Nguyên.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phường Quan Triều hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

c) Kết quả sau khi nhập 03 xóm thuộc xã Phúc Hà vào xã Quyết Thắng để thành lập phường Quyết Thắng:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Tên đơn vị hành chính: **Phường Quyết Thắng.**
- Diện tích tự nhiên 13,67 km² (đạt 248,5% so với tiêu chuẩn);
- Quy mô dân số 13.682 người (đạt 195,5% so với tiêu chuẩn);
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.997 người (đạt tỷ lệ 21,9% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị:

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 03/03 tiêu chí.
- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 13/13 tiêu chí.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:
 - + Phía Tây giáp xã Phúc Xuân và xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên;
 - + Phía Bắc giáp phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên;
 - + Phía Đông giáp phường Quang Vinh, phường Tân Thịnh và phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên;
 - + Phía Nam giáp xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên;
- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Tại trụ sở của Ủy ban nhân dân xã Quyết Thắng hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2. Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp

2.1. Sắp xếp đơn vị hành chính nông thôn với đơn vị hành chính đô thị cấp xã

2.1.1. Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Tân Lợi (có diện tích tự nhiên là 20,69 km², đạt 41,4% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 5.802 người, đạt 386,8% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Trại Cau (có diện tích tự nhiên là 6,34 km², đạt 45,3% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.229 người, đạt 105,7% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính thị trấn Trại Cau.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính:

Xã Tân Lợi giáp ranh và có phần lớn diện tích tiếp xúc với thị trấn Trại Cau, dân cư liền kề sống cùng nhau lâu đời nên dễ hòa nhập, phong tục tập quán có nhiều nét tương đồng. Khi thực hiện phương án sáp nhập như trên sẽ thuận lợi cho công tác quản lý địa giới hành chính của chính quyền, người dân cũng thuận lợi trong việc đi lại, giải quyết các thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã, đồng thời phù hợp với tập quán sinh hoạt của hai địa phương.

b) Kết quả sau sắp xếp đơn vị hành chính:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính).

- Tên đơn vị hành chính: **Thị trấn Trại Cau.**
- Diện tích tự nhiên: 27,03 km² (đạt 193,1% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 10.031 người (đạt 250,8% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số: 4.632 người; chiếm tỷ lệ 46,2% dân số.

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị: Phân loại dự kiến đạt loại V (tiêu chuẩn theo quy định là 75/100 điểm); số điểm: 76,00 điểm.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp xã Hợp Tiến, huyện Đông Hỷ;

+ Phía Tây giáp xã Nam Hòa, huyện Đông Hỷ;

+ Phía Nam giáp xã Bàn Đạt và xã Tân Khánh, huyện Phú Bình;

+ Phía Bắc giáp xã Cây Thị, huyện Đông Hỷ.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Trại Cau hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2.1.2. Thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương

Nhập một phần diện tích tự nhiên (14,9 km²) và dân số (6.042 người) bao gồm 11 xóm: Bún 1, Bún 2, Làng Hìn, Giang 1, Giang 2, Làng Bò, Bàu 1, Bàu 2, Cọ 1, Cọ 2, Phú Sơn thuộc xã Phấn Mễ (có diện tích tự nhiên là 21,19 km², đạt 42,4% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.446 người, đạt 228,9% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Giang Tiên (có diện tích tự nhiên là 3,77 km², đạt 26,93% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.143 người, đạt 103,6% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính thị trấn Giang Tiên.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

Thị trấn Giang Tiên có vị trí địa lý giáp với xã Phấn Mễ, thuận lợi về giao thông, thủy lợi, điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh tương đồng và người dân thị trấn Giang Tiên canh tác xâm canh trên diện tích do Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ quản lý và ngược lại;

Xã Phấn Mễ được chia làm 2 phần bởi đường phân thủy (sông Đu), một phần tiếp giáp với thị trấn Giang Tiên và phần còn lại tiếp giáp với thị trấn Đu; Thị trấn Giang Tiên được thành lập năm 1977 do chia tách từ xã Phấn Mễ tại Quyết định số 616-VP18 ngày 23/02/1977 của Bộ trưởng Phủ thủ tướng, do vậy, phong tục và tập quán sinh hoạt của người dân xã Phấn Mễ tương đồng với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân của thị trấn Giang Tiên. Vì vậy khi nhập các xóm của xã Phấn Mễ vào thị trấn Giang Tiên sẽ thuận lợi cho công tác quản lý và tạo không gian quy hoạch, thuận lợi giao thông đồng thời phù hợp với mong muốn của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân.

b) Kết quả sau sắp xếp có:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Tên đơn vị hành chính: **Thị trấn Giang Tiên.**

- Diện tích tự nhiên 18,67 km² (đạt 133,4% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số 10.185 người (đạt 254,6% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 2.047 người (chiếm tỷ lệ 20,1% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị: Phân loại dự kiến đạt loại V (tiêu chuẩn theo quy định là 75/100 điểm); số điểm: 77,12 điểm.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: 04 đơn vị hành chính cấp xã

+ Phía Đông giáp xã Túc Tranh và xã Vô Tranh, huyện Phú Lương;

+ Phía Bắc giáp thị trấn Đu, huyện Phú Lương;

+ Phía Tây giáp xã Phục Linh, huyện Đại Từ;

+ Phía Nam giáp xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trụ sở của Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2.1.3. Thị trấn Đu, huyện Phú Lương

Nhập một phần diện tích tự nhiên (6,29 km²) và dân số (5.404 người) bao gồm 08 xóm: Mỹ Khánh, Tân Hòa, Làng Mai, Làng Trò, Giá 1, Phố Giá - Độc Mầu, Hoa 1 và Hoa 2 thuộc xã Phấn Mễ (có diện tích tự nhiên là 21,19 km², đạt 42,4% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 11.446 người, đạt 228,9% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Đu (có diện tích tự nhiên là 9,36 km², đạt 66,9% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 9.688 người, đạt 242,2% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính thị trấn Đu.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính

Thị trấn Đu là trung tâm hành chính của huyện, phía nam giáp với xã Phấn Mễ, thuận lợi về giao thông, thủy lợi, điều kiện phát triển sản xuất kinh doanh tương đồng, người dân thị trấn Đu canh tác xâm canh trên diện tích do Ủy ban nhân dân xã Phấn Mễ quản lý và ngược lại; phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân thị trấn Đu tương đồng với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân xã Phấn Mễ; thị trấn Đu được thành lập do chia tách một phần từ xã Phấn Mễ tại Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 13/12/2013 của Chính phủ.

Việc nhập các xóm còn lại của xã Phấn Mễ (được chia tách bởi sông Đu) vào thị trấn Đu sẽ thuận lợi cho công tác quản lý và tạo không gian quy hoạch để phát triển đô thị, phù hợp với mong muốn của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nhằm góp phần xây dựng thị trấn Đu đến năm 2025 trở thành đô thị loại IV.

b) Kết quả sau sắp xếp đơn vị hành chính:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Tên đơn vị hành chính: **Thị trấn Đu.**

- Diện tích tự nhiên: 15,65 km² (đạt 111,8% so với tiêu chuẩn);

- Quy mô dân số: 15.092 người (đạt 377,3% so với tiêu chuẩn);

- Số dân là người dân tộc thiểu số: 3.788 người (chiếm tỷ lệ 25,1% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị: Phân loại dự kiến đạt loại V (tiêu chuẩn theo quy định là 75/100 điểm); số điểm: 77,00 điểm.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Đông giáp xã Vô Tranh, xã Tứ Tranh, xã Động Đạt, huyện Phú Lương;

+ Phía Tây và phía Bắc giáp xã Động Đạt, huyện Phú Lương;

+ Phía Nam giáp thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Trụ sở của Ủy ban nhân dân thị trấn Đu hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2.1.4. Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa

Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Bảo Cường, huyện Định Hóa (có diện tích tự nhiên là 9,55 km², đạt 19,1% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.824 người, đạt 321,6% so với tiêu chuẩn) vào thị trấn Chợ Chu (có diện tích tự nhiên là 4,44 km², đạt 31,7% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 7.183 người, đạt 179,6% so với tiêu chuẩn) để mở rộng đơn vị hành chính thị trấn Chợ Chu.

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp đơn vị hành chính:

Việc nhập xã Bảo Cường vào thị trấn Chợ Chu để mở rộng địa giới hành chính của thị trấn Chợ Chu, sẽ đảm bảo quy mô dân số và diện tích theo quy định của đô thị loại IV, phần đầu xây dựng thị trấn Chợ Chu cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV vào năm 2025. Để thị trấn Chợ Chu sau khi mở rộng xứng đáng vai trò là

đô thị trung tâm huyện Định Hóa, có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm tổng hợp chính trị, hành chính kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện; đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực lân cận.

b) Kết quả sau sắp xếp đơn vị hành chính:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Tên đơn vị hành chính: **Thị trấn Chợ Chu.**

- Diện tích tự nhiên 13,99 km² (đạt 99,9% so với tiêu chuẩn).

- Quy mô dân số: 12.007 người (đạt 300,2% so với tiêu chuẩn).

- Số dân là người dân tộc thiểu số 6.957 người (chiếm tỷ lệ 57,9% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị: Phân loại dự kiến đạt loại V (tiêu chuẩn theo quy định là 75/100 điểm); số điểm: 85,75 điểm.

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề:

+ Phía Bắc giáp xã Kim Phụng, huyện Định Hóa;

+ Phía Nam giáp xã Đồng Thịnh, huyện Định Hóa;

+ Phía Đông giáp xã Phụng Tiến, xã Tân Dương, xã Trung Hội, huyện Định Hóa;

+ Phía Tây giáp xã Phúc Chu, huyện Định Hóa.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Tại trụ sở xã Bảo Cường hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2.2. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thành đơn vị hành chính đô thị cùng cấp

Trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên để thành lập phường Sơn Cẩm. Kết quả sau sắp xếp đơn vị hành chính:

* Về tiêu chuẩn đơn vị hành chính quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

- Tên đơn vị hành chính: **Phường Sơn Cẩm.**
- Diện tích tự nhiên 16,62 km² (đạt 302,2% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số 15.886 người (đạt 453,9% so với tiêu chuẩn).
- Số dân là người dân tộc thiểu số 5.126 người (chiếm tỷ lệ 32,3% dân số).

* Về tiêu chuẩn đô thị quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị:

- Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 03/03 tiêu chí.
- Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị: Đạt 12/13 tiêu chí tiêu chuẩn đạt theo quy định. Tiêu chuẩn chưa đạt là Tỷ lệ đường được chiếu sáng (tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ).

- Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề
 - + Phía Đông giáp xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên;
 - + Phía Tây giáp xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương;
 - + Phía Nam giáp phường Quan Triều, phường Tân Long, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên và xã An Khánh, huyện Đại Từ;
 - + Phía Bắc giáp xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ và xã Vô Tranh, huyện Phú Lương.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của đơn vị hành chính: Tại trụ sở của Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm hiện nay.

* Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp đạt chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

III. LÝ DO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2023 - 2025 NHƯNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ NGHỊ KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP

Có 05 đơn vị hành chính nông thôn (gồm các xã: Nhã Lộng, Úc Kỳ, Hà Châu, Lương Phú và Thanh Ninh thuộc huyện Phú Bình) chưa đảm bảo tiêu chuẩn đơn vị hành chính nông thôn theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, các đơn vị hành chính này đã được dự kiến thành lập phường đến năm 2030 theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2040 (căn cứ tại mục 2.2 tại Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị và điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

IV. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ DỰ KIẾN HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH

1. Xã Vạn Phú huyện Đại Từ

Xã Vạn Phú, huyện Đại Từ sau khi sắp xếp có diện tích tự nhiên: 26,67 km² (đạt 88,9% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số: 13.018 người (đạt 162,7% so với tiêu chuẩn); vị trí địa lý: phía Đông Bắc giáp xã Tân Thái hoàn toàn là mặt nước Hồ Núi Cốc (không giáp ranh về đất đai); phía Bắc giáp một phần nhỏ với xã Lục Ba bởi mặt nước Hồ Núi Cốc; phía Đông giáp xã Phúc Tân, thành phố Phổ Yên, hiện nay chưa có đường giao thông đi lại giữa hai địa phương. Do đó việc nhập xã Vạn Thọ vào xã Ký Phú là phù hợp với thực tiễn và địa hình của địa phương. Sau sắp xếp, xã Vạn Phú đạt chuẩn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

2. Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ

Xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ sau khi sắp xếp có diện tích tự nhiên 25,93 km² (đạt 51,9% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 9.542 người (đạt 477,1% so với tiêu chuẩn). Tuy nhiên, khu vực này có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 52,6% dân số và có phong tục tập quán riêng, đồng thời các đơn vị hành chính cấp xã giáp ranh có nhiều đồng bào theo đạo Công giáo, chưa thực sự phù hợp sắp xếp với các đơn vị hành chính cấp xã khác. Sau sắp xếp, xã Phú Xuyên đạt chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Xã Phú Cường, huyện Đại Từ

Xã Phú Cường, huyện Đại Từ sau khi sắp xếp có diện tích tự nhiên 22,6 km² (đạt 45,2% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 7.640 người (đạt 382,0% so với tiêu chuẩn). Trên địa bàn xã Phú Cường có 05 giáo họ và 05 nhà thờ, có nhiều đồng bào theo đạo Công giáo. Khu vực này có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 53,1% dân số và có phong tục tập quán riêng. Vị trí địa lý các xóm của xã Na Mao được phân định ranh giới thành 02 phần bởi suối Vực Tròn chảy từ xã Yên Lãng qua xã Na Mao sang xã Phú Cường, do vậy sau khi sắp xếp sẽ thuận lợi cho công tác quản lý địa giới hành chính của chính quyền và người dân không phải đi xa (chỗ xa nhất của xã cách trụ sở UBND xã khoảng 8,5 km), thuận lợi trong việc giải quyết các thủ tục hành chính tại UBND xã sau khi sắp xếp, đồng thời phù hợp với tập quán sinh hoạt, mong muốn của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân địa phương. Sau sắp xếp, xã Phú Cường đạt chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa

Thị trấn Chợ Chu sau sắp xếp diện tích tự nhiên 13,99 km² (đạt 99,9% so với tiêu chuẩn) và quy mô dân số 12.007 người (đạt 300,2% so với tiêu chuẩn). Khu vực này có tỷ lệ người dân tộc thiểu số chiếm 57,9% dân số và có phong tục tập quán riêng. Nếu nhập thêm các xã liền kề sẽ gây khó khăn trong công tác quản lý địa giới hành chính và không phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của nhân dân tại địa phương. Sau sắp xếp, thị trấn Chợ Chu đạt chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

V. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH THÁI NGUYÊN SAU SẮP XẾP

1. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp

- Đơn vị hành chính cấp huyện 09 đơn vị (gồm: 03 thành phố và 06 huyện).
- Đơn vị hành chính cấp xã 177 đơn vị (gồm: 126 xã, 41 phường và 10 thị trấn).

2. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi sắp xếp

- Đơn vị hành chính cấp huyện 09 đơn vị (gồm: 03 thành phố và 06 huyện).
- Đơn vị hành chính cấp xã 171 đơn vị (gồm: 118 xã, 43 phường và 10 thị trấn).

3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp

- Đơn vị hành chính cấp huyện giảm 00 đơn vị.
- Đơn vị hành chính cấp xã giảm 06 đơn vị (giảm 08 xã và tăng 02 phường).

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước

1.1. Tác động tích cực

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã sẽ tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, giảm chi ngân sách; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tạo sự bền vững trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thuận lợi trong việc huy động các nguồn lực của xã hội và tạo điều kiện để đổi mới, cải cách chế độ, chính sách tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức và mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở xóm, tổ dân phố.

- Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng và trách nhiệm thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại những đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới thì thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

- Riêng đối với việc mở rộng đơn vị hành chính đô thị sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương mở rộng khu vực nội thị để phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển chung của tỉnh.

1.2. Tác động tiêu cực

- Khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí lại hoặc giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư tại các đơn vị hành chính thực hiện do sắp xếp.

- Một số đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp có địa bàn rộng, dân cư sống rải rác không tập trung dẫn đến công tác quản lý của chính quyền tại địa phương, nhất là chính quyền cấp xã gặp một số khó khăn nhất định trong giai đoạn đầu sau khi sắp xếp.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

2.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giúp cho các địa phương sẽ tập trung nguồn lực, đồng thời phát huy tốt nhất những tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương để đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông, cơ sở vật chất và phát triển kinh tế - xã hội, từ đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Góp phần đẩy mạnh và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn; quy hoạch, phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ... là thời cơ để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại; tác động mạnh đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp. Đồng thời, việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn là động lực quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển và phân bổ lực lượng sản xuất theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế vùng nông thôn, ngoại thành, ngoại thị, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực nông thôn và thành thị.

- Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

2.2. Tác động tiêu cực

- Việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính các cấp có liên quan làm phát sinh chi phí ngân sách để thực hiện việc khắc các con dấu pháp lý mới; thực hiện chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh; quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch khác có liên quan.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đặt ra yêu cầu mới đối với việc bảo đảm chất lượng các công trình hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc được thông suốt.. Khó khăn trong việc chuyển đổi công năng sử dụng một số trụ sở làm việc dư thừa sau sắp xếp do có vị trí chưa thuận lợi, ở xa trung tâm, hạn chế về tiềm năng phát triển.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự xã hội

3.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã sẽ tạo nguồn biên chế phục vụ việc tổ chức, sắp xếp lại lực lượng Công an chính quy tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn. Qua đó, tạo điều kiện để lực lượng Công an chính quy sẽ không ngừng được tăng cường, củng cố và phát triển nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; kịp thời chỉ đạo xử lý và giải quyết các vụ việc tồn đọng phát sinh, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội được tăng cường.

- Đối với các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp dự kiến sẽ dôi dư trụ sở UBND cấp xã và Trạm Y tế, góp phần giảm kinh phí bố trí quỹ đất và xây dựng trụ sở làm việc mới cho lực lượng công an, quân sự tại địa phương

- Công tác đăng ký quản lý chặt chẽ nguồn công dân sẵn sàng nhập ngũ, tiếp nhận đăng ký quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự; triển khai tuyên chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm đúng chỉ tiêu, kế hoạch được giao không bị ảnh hưởng mà còn được tăng cường.

- Việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy nhà nước sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân không ngừng được nâng cao góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm. Hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp giúp cho việc đi lại được thuận lợi, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh, giảm thiểu tai nạn giao thông. Công tác quốc phòng được quan tâm, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật được đầu tư, ý thức và đời sống nhân dân được nâng cao góp phần nâng cao nhận thức của người dân về an ninh - quốc phòng tốt hơn, không để các thế lực thù địch, các phần tử phản động,... tuyên truyền, lôi kéo và lợi dụng.

3.2. Tác động tiêu cực

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã sẽ tác động tới công tác nắm bắt tình hình địa bàn, do địa bàn được mở rộng hơn trước và cán bộ chưa có kinh nghiệm thực tiễn tại khu vực mới sau sắp xếp, có đơn vị chuyển đổi từ quản lý nông thôn sang quản lý đô thị.

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính đòi hỏi lực lượng công an thực hiện cập nhật lại thông tin dân cư trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và thông tin của công dân tại thẻ căn cước; phát sinh nhiệm vụ, kinh phí thực hiện thủ tục thu hồi và cấp mới cho các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp. Hệ thống mạng lưới giao thông được mở rộng, lưu lượng phương tiện tham gia nhiều với tải trọng lớn; các khu vực công cộng được hình thành nhiều hơn cùng với các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tăng gây áp lực đến việc quản lý hành chính nhà nước cho chính quyền địa phương.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công

4.1. Tác động tích cực

- Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã góp phần quan trọng làm cho nền hành chính công được nâng cao, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính phục vụ Nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Đây là cơ hội để tăng cường, phát huy sử dụng có hiệu quả phần mềm Một cửa điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần trên môi trường mạng, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho Nhân dân, tăng tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.2. Tác động tiêu cực

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã dẫn đến phát sinh việc sẽ phải chuyển đổi các thông tin về địa chỉ liên lạc của công dân, tổ chức, các loại giấy tờ cá nhân, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch là rất lớn, điều đó sẽ tạo áp lực rất lớn đối với bộ máy hành chính của đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp. Yêu cầu cán bộ, công chức cấp xã tại các đơn vị hành chính mới cần phải nâng cao năng lực, hiệu quả và gắn với trách nhiệm trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ GIẢI PHÁP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Những thuận lợi

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành Trung ương đã sớm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng; sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định pháp luật kịp thời, đầy đủ, chi tiết theo hướng rút gọn về quy trình, thủ tục nên tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn.

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sát sao; các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở đã khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch số 119-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Kế hoạch số 170/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên công tác tuyên truyền, phổ biến được triển khai đồng bộ và sâu rộng đã làm cán bộ, công chức, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức, hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025. đồng tình ủng hộ với chủ trương của Đảng, nhà nước trong thực hiện sắp xếp đơn vị

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã góp phần quan trọng tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị; đảm bảo quy mô diện tích tự nhiên phù hợp với năng lực quản lý của chính quyền hiện hữu; có điều kiện tập trung khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế sẵn có, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững; tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trên địa bàn; gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên gắn với truyền thống đoàn kết dân tộc, lịch sử, văn hóa của địa phương nên đời sống của người dân sẽ sớm ổn định và tiếp tục phát triển trong thời kỳ mới.

2. Những khó khăn, vướng mắc

- Công tác sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 diễn ra cùng với công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV nhiệm kỳ 2025 - 2030; bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã tạo áp lực công việc rất lớn đối với chính quyền địa phương. Với khoảng thời gian ngắn, phải thực hiện qua nhiều bước theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan; thời gian thực hiện tương đối gấp nhưng phải hoàn thành trước khi diễn ra Đại hội Đảng bộ các cấp, nhất là Đại hội Đảng bộ cấp xã nên việc nghiên cứu, xây dựng phương án tổ chức bộ máy và sắp xếp cán bộ, công chức trên địa bàn gặp một chút khó khăn.

- Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã gây ảnh hưởng ít nhiều đến công tác tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở, khó khăn trong quá trình bố trí chức danh lãnh đạo chủ chốt. Tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp còn nhiều băn khoăn, lo ngại về việc tiếp tục công tác, chuyên công tác khác hoặc nghỉ công tác theo quy định; tâm lý của cán bộ, công chức sẽ bị dao động, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả công việc tại địa phương; ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất của một bộ phận dân cư và các thiết chế văn hóa.

- Một số đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp có địa bàn rộng, khoảng cách về địa lý từ nhiều hộ gia đình đến trung tâm của xã xa dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, tuyên truyền vận động, sinh hoạt cộng đồng; việc tiếp cận dịch vụ công (chuyển đổi nhiều giấy tờ có liên quan từ đơn vị hành chính cũ sang đơn vị hành chính mới) của người dân tại địa phương.

- Đối với địa bàn các đơn vị hành chính đô thị sau khi sắp xếp sẽ trở thành phường hoặc thị trấn, do tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất để xây dựng khu đô thị, khu dân cư và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh sẽ gây khó khăn đối với công tác quản lý hành chính nhà nước trong thời gian đầu.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Phương án bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức phải tùy thuộc vào trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực, sở trường của mỗi người, phụ thuộc vào vị trí việc làm của đơn vị hành chính cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp.

- Đối với địa bàn các đơn vị hành chính đô thị sau khi sắp xếp sẽ trở thành phường hoặc thị trấn, trong khi đó cơ sở hạ tầng cần phải tiếp tục đầu tư để đáp ứng hoàn toàn các tiêu chuẩn về đô thị.

3.2. Nguyên nhân chủ quan: Người dân e ngại việc sắp xếp đơn vị hành chính do sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thói quen sinh hoạt, giấy tờ tùy thân, địa chỉ nơi ở, nơi làm việc, kinh doanh, địa chỉ trụ sở của đơn vị hành chính mới...

4. Giải pháp khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

- Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc sắp xếp đơn vị hành chính nhằm xây dựng nền hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả để tạo sự đồng thuận về nhận thức và hành động trong cấp ủy, chính quyền các cấp, trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là đối với các đơn vị hành chính thuộc diện phải sắp xếp.

- Kịp thời ban hành và tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tại địa phương, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc, mục tiêu, phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn và quy hoạch đô thị.

- Tiếp tục rà soát, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, giải quyết dứt điểm việc dôi dư cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025. Tập trung thực hiện tốt việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy; lựa chọn trụ sở làm việc dựa trên các tiêu chí bao gồm cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc; diện tích trụ sở, nhà văn hóa rộng, đáp ứng cơ bản các nhu cầu và có vị trí trung tâm để tạo thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện giao dịch hành chính và sinh hoạt; có điều kiện để phát triển trở thành đô thị trong tương lai.

- Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp đảm bảo hoạt động của chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức sau khi sắp xếp. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức chuyển đổi giấy tờ liên quan đến thay đổi tên đơn vị hành chính theo quy định.

III. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN VIỆC SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Kế hoạch và lộ trình thực hiện

1.1. Năm 2024

- Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.
- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2019 - 2021.
- Tiến hành sắp xếp, bố trí và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.
- Sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.
- Thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới và thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.
- Triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

1.2. Năm 2025

- Các địa phương tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp.
- Tập trung giải quyết chế độ, chính sách dôi dư cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030 ở những đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tập trung thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý trụ sở, tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Hoàn thành việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới và tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù tại các đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025.

- Triển khai công tác lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới đơn vị hành chính các cấp theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

- Sơ kết việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

2. Dự kiến kinh phí triển khai thực hiện

Kinh phí thực hiện đề án được xây dựng, triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguồn: Ngân sách tỉnh Thái Nguyên.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG TRƯỜNG HỢP DÔI DƯ DO SẮP XẾP

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp

1.1. Đối với tổ chức Đảng: Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên xây dựng đề án, quyết định hợp nhất, giải thể hoặc thành lập đảng bộ mới trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; việc bố trí, kiện toàn Ban Chấp hành và một số chức danh trong Đảng ủy theo quy định của Điều lệ Đảng, Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW, ngày 30/11/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030. Việc sắp xếp tổ chức đảng đồng bộ với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.2. Đối với bộ máy của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: Hợp nhất và kiện toàn tổ chức bộ máy của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của các đơn vị cấp xã trước khi nhập, số lượng cán bộ sẽ sắp xếp phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn ở từng đơn vị hành chính cấp xã.

1.3. Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và hội đặc thù: Hợp nhất và kiện toàn tổ chức bộ máy các tổ chức của các đơn vị cấp xã trước khi nhập, số lượng cán bộ sẽ sắp xếp phù hợp với Điều lệ của các tổ chức, quy định của Trung ương và tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã.

1.4. Đối với các chức danh công chức cấp xã: Sắp xếp, bố trí hợp lý số lượng công chức hiện có của các đơn vị cấp xã trước khi nhập, số còn lại bố trí nghỉ công tác và hưởng chế độ của Nhà nước theo quy định, điều động về các cơ quan, đơn vị cấp huyện và cấp xã khác trên địa bàn còn thiếu vị trí công chức.

1.5. Đối với bộ máy của Công an và Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Chỉ đạo Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn các địa phương sắp xếp tổ chức lại bộ máy của Công an, Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

1.6. Tổ chức đơn vị sự nghiệp trường học, trạm y tế

- Chỉ đạo Sở Giáo dục và đào tạo hướng dẫn các địa phương ổn định tổ chức các trường học (gồm: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học; nghiên cứu, điều chỉnh đề án sắp xếp các trường học trên địa bàn để triển khai thực hiện cho phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn các địa phương sắp xếp, bố trí hợp lý số lượng viên chức y tế tại các Trạm y tế cấp xã nhằm đảm bảo cơ sở khám, chữa bệnh để phục vụ Nhân dân thuận lợi nhất, số còn lại bố trí nghỉ công tác và hưởng chế độ của Nhà nước theo quy định, điều động về Trung tâm y tế cấp huyện hoặc Trạm Y tế cấp xã khác trên địa bàn còn thiếu vị trí viên chức.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp; phương án, lộ trình sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức dôi dư

2.1. Đối với xã Phúc Hà, thành Phố Thái Nguyên

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Phúc Hà có 17/18 người, xã Quyết Thắng có 20/23 người, phường Quan Triều có 19/22 người. Tổng số có 56/63 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Phường Quan Triều sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại II, được giao 21 cán bộ, công chức; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 công chức): 22/22 cán bộ, công chức cấp xã.

- Phường Quyết Thắng sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 23 cán bộ, công chức; giao thêm do có diện tích tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 công chức): 24/24 cán bộ, công chức cấp xã.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 10 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 02 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 08 người dự kiến chuyển sang các đơn vị cấp xã khác.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND thành phố Thái Nguyên, Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND thành phố Thái Nguyên, Công an thành phố Thái Nguyên tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND thành phố Thái Nguyên, Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Phúc Hà có 07/10 người, xã Quyết Thắng có 08/15 người, phường Quan Triều có 10/13 người. Tổng số có 25/38 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Phường Quan Triều sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại II, được giao 12 người; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 người): 13/13 người.

- Phường Quyết Thắng sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người; giao thêm do có diện tích tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 người): 15/15 người.

- Số người dôi dư: 00 người.

2.2. Đối với xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Vạn Thọ có 17/18 người, xã Ký Phú có 20/22 người. Tổng số có 37/40 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Số cán bộ, công chức cấp xã bố trí theo quy định (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 công chức): 23/23 người.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 14 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 03 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 11 người dự kiến chuyển sang các đơn vị cấp xã khác.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Trung tâm Y tế huyện Đại Từ xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Công an huyện Đại Từ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Vạn Thọ có 06/10 người, xã Ký Phú có 09/14 người. Tổng số có 15/24 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Số người tiếp tục bố trí công tác (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 người): 15/15 người, đảm bảo đúng số lượng theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Số người dôi dư: 00 người.

2.3. Đối với xã Na Mao, huyện Đại Từ

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Na Mao có 16/18 người, xã Phú Cường có 18/20 người, xã Phú Xuyên có 20/23 người. Tổng số có 54/61 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Xã Phú Xuyên sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 công chức): 23/23 người.

- Xã Phú Cường sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại II, được giao 20 cán bộ, công chức; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 công chức): 21/21 người.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 10 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 03 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 07 người dự kiến chuyển sang các đơn vị cấp xã khác.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Trung tâm Y tế huyện Đại Từ xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Công an huyện Đại Từ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đại Từ, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Na Mao có 06/10 người, xã Phú Cường có 09/12 người, xã Phú Xuyên có 11/15 người. Tổng số có 26/37 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Xã Phú Xuyên sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 người): 15/15 người.

- Xã Phú Cường sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại II, được giao 12 người; giao thêm do có dân số tăng thêm so với tiêu chuẩn: 01 người): 13/13 người.

- Số người dôi dư: 00 người.

2.4. Đối với xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Phấn Mễ có 21/24 người, thị trấn Đu có 21/22 người, thị trấn Giang Tiên có 15/18 người. Tổng số có 57/64 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Thị trấn Đu sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức): 22/22 người.

- Thị trấn Giang Tiên sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức): 22/22 người.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 13 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 05 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 08 người chuyển sang cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn huyện.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND huyện Phú Lương, Trung tâm Y tế huyện Phú Lương xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND huyện Phú Lương, Công an huyện Phú Lương tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND huyện Phú Lương, Ban Chỉ huy quân sự huyện Phú Lương tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Phấn Mễ có 09/16 người, thị trấn Đu có 14/14 người, thị trấn Giang Tiên có 09/10 người. Tổng số có 32/40 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Thị trấn Đu sau sắp xếp: 14/14 người (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người).

- Thị trấn Giang Tiên sau sắp xếp: 14/14 người (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người).

- Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư: 04 người. Phương án giải quyết chế độ cho người có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi (nếu đủ điều kiện) chế độ thôi việc hoặc bố trí vị trí ở các hội đặc thù của địa phương.

2.5. Đối với xã Tân Lợi, huyện Đồng Hỷ

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Tân Lợi có 16/20 người, thị trấn Trại Cau có 17/18 người. Tổng số có 33/38 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Thị trấn Trại Cau sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức): 22/22 người.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 11 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 07 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 04 người dự kiến chuyển sang các đơn vị cấp xã khác.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND huyện Đồng Hỷ, Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đồng Hỷ, Công an huyện Đồng Hỷ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND huyện Đồng Hỷ, Ban Chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Tân Lợi có 10/12 người, thị trấn Trại Cau có 07/10 người. Tổng số có 17/22 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Số người tiếp tục bố trí công tác (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người): 14/14 người, đảm bảo đúng số lượng theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Số người dôi dư: 03 người, dự kiến sắp xếp cho thôi đảm nhiệm chức danh hoặc bố trí vị trí ở các hội đặc thù của địa phương tại thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã.

2.6. Đối với xã Bảo Cường, huyện Định Hóa

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt: Xã Bảo Cường có 18/20 người, thị trấn Chợ Chu có 19/20 người. Tổng số có 37/40 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Thị trấn Chợ Chu sau sắp xếp (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 22 cán bộ, công chức): 22/22 người.

- Số cán bộ, công chức dôi dư: 15 người, dự kiến phải giảm trong thời gian chậm nhất trong 05 năm kể từ thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó gồm: 04 người thực hiện tinh giản biên chế hoặc giải quyết chế độ chính sách nghỉ hưu trước tuổi; 11 người dự kiến chuyển sang các đơn vị cấp xã khác.

b) Số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp:

- Trước mắt giữ nguyên trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục và thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cho phù hợp và đảm bảo tình hình thực tiễn ở từng địa phương cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Sở Y tế hướng dẫn UBND huyện Định Hóa, Trung tâm Y tế huyện Định Hóa xây dựng đề án, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng theo đúng quy định.

c) Tổ chức bộ máy đối với Công an và Ban Chỉ huy quân sự cấp xã

- Chỉ đạo Công an tỉnh hướng dẫn UBND huyện Định Hóa, Công an huyện Định Hóa tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng biên chế lực lượng công an tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh hướng dẫn UBND huyện Định Hóa, Ban Chỉ huy quân sự huyện Định Hóa tham mưu xây dựng, đề xuất phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng công chức Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đảm bảo theo đúng quy định.

d) Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện có mặt: Xã Bảo Cường có 10/12 người, thị trấn Chợ Chu có 10/12 người. Tổng số có 20/24 người, dự kiến bố trí, sắp xếp như sau:

- Số người tiếp tục bố trí công tác (dự kiến sau khi nhập là đơn vị hành chính loại I, được giao 14 người): 14/14 người, đảm bảo đúng số lượng theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Số người dôi dư: 06 người, dự kiến sắp xếp cho thôi đảm nhiệm chức danh tại thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về nhập đơn vị hành chính cấp xã.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính

Căn cứ theo nguyện vọng, trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư được hưởng các chế độ, chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã cần thực hiện tốt phương án, lộ trình sắp xếp, đồng thời thực hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính bảo đảm đúng quy định. Việc bố trí sắp xếp cán bộ phải đảm bảo dân chủ, công khai giải quyết chính sách cán bộ thỏa đáng, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác và ổn định cuộc sống, cụ thể:

- Đối với số lượng cán bộ dôi dư (bao gồm: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội): Các địa phương căn cứ theo các tiêu chuẩn quy định về công tác cán bộ, thực hiện lựa chọn những người đảm bảo đủ tiêu chuẩn để bầu giữ các chức vụ lãnh đạo theo quy định; số cán bộ lãnh đạo còn lại dôi dư thực hiện sắp xếp, bố trí cho bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ theo quy định hoặc hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Điều động, bố trí giữ các vị trí phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và chức danh theo quy định tại các đơn vị hành chính cùng cấp khác trên địa bàn còn khuyết nhân sự.

- Thực hiện xét tuyển cán bộ, công chức cấp xã làm công chức cấp huyện đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn và còn biên chế công chức cấp huyện chưa sử dụng.

- Vận động cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã lớn tuổi, chưa đạt chuẩn tự nguyện xin nghỉ để hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

V. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

- Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan, hướng dẫn công tác lập dự toán việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp để có phương án chuyển đổi, quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí, tiêu cực hoặc để tài sản, trụ sở hư hỏng, xuống cấp gây thất thoát lãng phí.

- Cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính hình thành sau sắp xếp phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng và triển khai phương án xử lý cơ sở vật chất, trụ sở làm việc, tài sản công của các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp để kịp thời điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế và theo quy định của pháp luật; bảo đảm bố trí, sắp xếp, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công hiện có.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia do Quốc hội phê duyệt đối với đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp

Căn cứ Điều 15 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 1303/UBND-CSĐT ngày 27/7/2023 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp xã, thôn hình thành sau sắp xếp trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỉnh Thái Nguyên có 14/16 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 là đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương thực hiện chế độ, chính sách theo các Chương trình mục tiêu quốc gia do Quốc hội phê duyệt đối với đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp đảm bảo đúng quy định.

2. Công nhận đơn vị hành chính cấp xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Căn cứ Điều 16 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 1303/UBND-CSĐT ngày 27/7/2023 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp xã, thôn hình thành sau sắp xếp trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tỉnh Thái Nguyên có 14/16 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp giai đoạn 2023 - 2025 là đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức rà soát, xác định đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

3. Công nhận đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Căn cứ Điều 17 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số 5424/BNN-VPĐP ngày 09/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp, tỉnh Thái Nguyên có 10/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức rà soát công nhận đơn vị hành chính cấp xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

4. Công nhận đơn vị hành chính cấp xã là xã An toàn khu và công nhận đơn vị hành chính cấp xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân

Căn cứ Điều 18, 19 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Công văn số Hướng dẫn 4099/HD-BNV ngày 29/7/2023 của Bộ Nội vụ về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và việc công nhận vùng an toàn khu, xã an toàn khu, xã đảo, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, tỉnh Thái Nguyên có 06 đơn vị hành chính cấp xã là xã An toàn khu và 04 đơn vị hành chính cấp xã được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì phối hợp với sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương tổ chức lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp là xã An toàn khu hoặc được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã

1.1. Sở Nội vụ, cơ quan chủ trì xây dựng Đề án: Tham mưu xây dựng hồ sơ Đề án và quy trình thực hiện sắp xếp các đơn vị thành chính cấp xã; tham mưu việc tổ chức thực hiện Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hướng dẫn việc lập hồ sơ đề nghị xét công nhận đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp là Vùng An toàn khu, Xã An toàn khu, đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động.

1.2. Sở Thông tin và Truyền thông: Tham mưu công tác tuyên truyền trước, trong và sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

1.3. Sở Tài chính: Tham mưu phê duyệt kinh phí liên quan đến sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; hướng dẫn nội dung bàn giao, quản lý tài sản, tài chính sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

1.4. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế: Hướng dẫn, phối hợp với các địa phương có đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp tại các trường học, trạm y tế đảm bảo theo đúng quy định.

1.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Hướng dẫn các địa phương rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 tại các đơn vị hành chính, cấp xã thực hiện sắp xếp; thực hiện theo thẩm quyền việc công nhận đơn vị hành chính cấp xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

1.6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn việc rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp đơn vị hành chính do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

1.7. Sở Tư pháp: Hướng dẫn các địa phương tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực hộ tịch và lý lịch tư pháp; hướng dẫn theo thẩm quyền việc áp dụng pháp luật về các nội dung liên quan khi thực hiện thay đổi địa giới và tên gọi của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

1.8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Hướng dẫn việc rà soát, thực hiện dự án, tiểu dự án và các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030; rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động, người có công và xã hội khác tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp.

1.9. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn các địa phương sắp xếp, tổ chức lại bộ máy đảm bảo số lượng cho phù hợp.

1.10. Ban Dân tộc: Hướng dẫn các địa phương việc rà soát, điều chỉnh thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 tại các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp; hướng dẫn và thực hiện theo thẩm quyền việc công nhận đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã hình thành sau sắp xếp thuộc khu vực miền núi, vùng cao; đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I; xóm đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

1.11. Các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan: Hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và Ủy ban nhân dân các huyện: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành.

1.12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Nguyên và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ: Chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp

2.1. Đảng ủy các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2025

- Chỉ đạo chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức đóng trên địa bàn ổn định tổ chức, tập trung phát triển kinh tế - xã hội; chỉ đạo thực hiện tốt việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền.

- Tập trung chỉ đạo công tác chuẩn bị nhân sự và tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2.2. Ủy ban nhân dân các đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023 - 2025

- Thực hiện việc phân loại đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật.

- Tập trung thực hiện sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy; bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức; phân công công chức chuyên môn đảm bảo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được giao; xây dựng danh mục vị trí việc làm theo Đề án này và chỉ đạo của cấp trên.

- Tổ chức bàn giao, tiếp nhận tổ chức bộ máy, hồ sơ, tài liệu; trụ sở làm việc, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị; các tài sản, tài chính khác có liên quan.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở đơn vị hành chính sau khi sắp xếp; chuyển đổi các loại giấy tờ đối với các cá nhân, tổ chức theo thẩm quyền.

- Đối với Ủy ban nhân dân các phường, thị trấn thực hiện sắp xếp có trách nhiệm đề nghị cấp trên xem xét, quyết định chuyển xóm thành tổ dân phố và thực hiện phân loại theo quy định.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội các huyện, cấp xã

- Xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và tổ chức giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 ở những đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp bảo đảm dân chủ, đúng quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan đôn đốc việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ dôi dư của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tại các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp.

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm cụ thể hóa chủ trương tiếp tục đổi mới theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW, Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 119-KH/TU của Tỉnh ủy Thái Nguyên. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nhằm tổ chức hợp lý đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của các huyện, thành phố; bảo đảm bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; tinh giản biên chế; mở rộng không gian đô thị, góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên đã đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

2. Kiến nghị, đề xuất: Không

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên trân trọng báo cáo Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhất trí thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 của tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo của tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng